

Đôi Bạn Đôi Đường

Nguyễn Ngọc Hoa

Giữa tháng Mười, thời tiết North Dakota chớm vào cuối thu và buổi sáng se lạnh. Đã đến lúc vợ chồng tôi về Texas tạm trú qua mùa đông. Tôi háo hức vì sắp gặp người bạn thân là Công ở Dallas nằm trên đường di chuyển Bắc-Nam. Tôi gọi Công trên điện thoại di động,

“Mày đang ở đâu? Tuần sau tao ghé Dallas, gặp nhau được không?”

“*Tau* đang ở Wichita Falls, cách nhà chừng ba tiếng đồng hồ,” Công điềm đạm trả lời, khác hẳn giọng nói hấp ta hấp tấp của tôi.

“Khi nào về nhà?”

“Không biết, nhưng chắc còn lâu lắm,” vẫn cái giọng trầm đều, không cảm xúc.

“Mày làm gì ở đó?”

“*Tau* đang ở chùa...” Công ngập ngừng.

“Không lẽ mày đi tu?”

“Đúng vậy, *tau* đã xuất gia... bốn tháng trước.”

Tôi không ngạc nhiên mà chỉ ngỡ ngàng trước cái tin đột ngột. Như đọc được ý nghĩ của tôi, Công nửa đùa nửa thật,

“Giờ *mi* phải gọi *tau* bằng ‘thầy’ xưng ‘con’ đàng hoàng đó *nghen*.”

“Mày tu chứ tao có tu đâu mà ‘thầy’ với ‘bà’!”

“Nhưng ‘mày *tau*’ với sư là không kính trọng Tam Bảo,” lần này Công nói thật, cương quyết như trong bao lần tranh luận trước đây.

Tôi lúng túng nhưng không chịu thua,

“Năm mươi một năm nay, tao chỉ biết mỗi một cách xưng hô với mày.”

“Nhưng *chừ* *mi* nói chuyện với sư!”

“Thôi chúc mày... mau thành chánh quả. Hẹn gặp sau,” tôi cúp điện thoại mà không biết mình buồn hay vui.

Đầu niên khóa 1962-63, tôi và Công được xếp ngồi cạnh nhau ở dãy bàn đầu lớp đệ tam B3 trường Quốc Học Huế. Biết tiếng nhau từ trước vì cùng đứng đầu bảng trong kỳ thi Trung học đệ nhất cấp, chúng tôi thân nhau từ ngày đầu tiên. Tôi lên từ trường (trung học đệ nhất cấp) Hàm Nghi trong Thành Nội, trong lúc Công từ lớp đệ tứ cuối cùng ở Quốc Học sau đó chỉ còn đệ nhị cấp (đệ tam trở lên). Trong số mười ba lớp đệ tam ban B (Khoa học Toán), B1 đến B6 là lớp Pháp văn sinh ngữ chính, B7 đến B13 Anh văn sinh ngữ chính.

Công gầy mà chắc chắn, khuôn mặt khắc khổ, giọng Huế trầm và chậm rãi mà cương quyết. Kém Công một tuổi, tôi mang khuôn mặt “búng ra sữa,” láu táu và ồn ào, cãi với ai thì nhất định cãi đến kỳ cùng. Công quê ở Phú Lộc gần núi Túy Vân, sống ở Huế từ lúc sinh ra, và được nung đúc thành một phật tử thuần thành; cha làm công chức, rất gần gũi với con. Tôi sinh ở ngoài vĩ

tuyển 17 di cư vào Nam, học tiểu học ở trường công giáo khi gia đình di chuyển khắp miền Trung, và rất ít khi sống gần cha là một sĩ quan cao cấp đang đóng đồn ở Ban Mê Thuột. Buổi chiều sau giờ học, tôi thường theo Công lên chùa học đạo với thầy; Công say mê nghiên cứu Phật pháp, và tôi hay chất vấn thầy làm sao đạo Phật áp dụng vào đời.

Hai đứa đều học giỏi, giỏi toán hết chỗ chê. Giờ ra chơi, chúng tôi dắt nhau đi quanh sân trường “luận anh hùng.” Những học sinh đệ tam có tiếng học giỏi như thằng Đình cùng lớp B3, thằng Thiện B7, thằng Kim B9, v.v. đều được xếp vào “cao thủ hạng ba,” nhưng không có hạng nhất hay hạng nhì. Vì hai đứa chúng tôi không biết ai giỏi hơn!

Đệ tam là lớp “ăn chơi” vì không phải năm thi và chương trình học không liên quan trực tiếp đến lớp thi là đệ nhị và đệ nhất. Tuy nhiên, tôi và Công ngày đêm thi nhau học “gạo”... chết bỏ, cố gắng hơn bạn để tự xem là “cao thủ hạng nhất,” mà ngoài mặt làm bộ nhớn nhớn ta đây không thèm học.

Biến cố Phật giáo năm 1963 đã đưa cuộc đời tôi sang một ngõ rẽ khác. “Luông tuồng và lóc lách” (lời của mẹ), tôi tham dự các hoạt động của tập thể Phật tử Huế và chứng kiến mọi diễn biến trong ngày Phật Đản ấy. Vì những điều tai nghe mắt thấy không phù hợp với những điều “mấy thầy” tuyên bố hay chính phủ thông tin, trong những ngày kế tiếp tôi gân cổ cãi nhau với người lớn về những sự kiện thực sự xảy ra và nhiều lần bị đe dọa. Lo sợ cho sự an toàn của thằng bé, mẹ đi tới một quyết định quyết liệt: đưa gia đình vào Ban Mê Thuột ở với cha.

Xa mặt nhưng không cách lòng, tôi và Công viết thư cho nhau hàng tuần, thiết tha như đôi tình nhân. Mở đầu thư bằng tiếng gọi triu mến, “*Công thương*,” tôi thường thuật những chuyến thám hiểm vào rừng núi Ban Mê Thuột buồn muôn thuở bụi mù trời; những sinh hoạt trong lớp nam nữ học chung, điều mà ở Huế không có; và các bạn cùng lớp mới, lớn tuổi hơn mến chuộng anh học trò “thông minh nhất nam tử” nói tiếng Huế trọ trẹ khó nghe. Ngoài những lời lẽ nhớ bạn, Công kể những lần về làng đưa cô “bồ” ra đụn cát ngồi bên nhau trò chuyện và ngắm trăng, hay lên chùa Túy Vân thọ giáo và xin thầy cho quy y nhưng thầy không đồng ý khuyên nên sống ngoài đời phục vụ thế gian.

Tuy nhiên, phần chính của những bức thư dày cộm với chữ nhỏ lẫn tẩn trên hơn một chục tờ giấy mỏng là đề toán đưa ra để đố bạn và bài giải cho các bài toán đố trước, như các nhà toán học Âu Châu đầu thế kỷ 18 thách thức nhau chứng minh những bài toán nan giải.

Để theo kịp bạn, tôi xin cha cho người về Sài Gòn tìm mua tất cả sách toán, cả sách giáo khoa lẫn sách bài giải, bày bán trong nhà sách. Tôi làm hết toán, lựa ra những bài khó nhất, thay đổi cho phức tạp hơn, loại bỏ các câu hỏi trung gian tác giả dùng để hướng dẫn cách giải, và chỉ chừa lại câu hỏi cuối cùng làm thành đề toán gửi về Huế cho Công.

Sách bán trên thị trường không có nhiều toán khó, tôi nhờ đến “tàng lâu các” là kho sách cổ bằng tiếng Pháp thừa hưởng từ các chú bác họ học thời Quốc Học còn là trường Khải Định. Ngoài một số sách thông dụng, “bí kíp võ học” của tôi là bộ sách giáo khoa của François Brachet

và Jean-Auguste Dumarqué, gọi tắt là “cuốn Brachet,” ấn bản 1932. Ông chú tặng tôi bộ sách mà dận đi dận lại,

“Toán Brachet khó điếc lỗ tai; *mi* đừng phí thì giờ nhiều, không có lợi *mô*!”

Chú tôi nhảm – bộ sách Brachet rồi cũng hết toán khó! Cuối cùng viện đến “độc chiêu” là cuốn bài giải xưa thật là xưa, mất bìa và mấy trang đầu tiên nên không biết tên tác giả và năm ấn hành; chỉ biết là toán khó cả họ không ai dám rờ tới. Anh tôi học trên hai lớp, thấy tôi nghiền ngẫm cuốn sách này, le lưỡi phục lẫn,

“*Tau* mà hiểu được bài toán *mô* trong *nớ* thì *tau* ‘xế’ liền!” (“*Xế*” tiếng lóng nghĩa là “chết.”)

Cuộc tranh tài kéo dài suốt hai năm đệ nhị và đệ nhất; tôi học bài và làm toán hầu như 24 tiếng đồng hồ mỗi ngày. Khi chưa giải được bài toán, tôi ghi hay vẽ lại trên tờ giấy, xếp bỏ túi; rảnh rồi mở ra xem, và nhiều khi cách giải hiện lên trong giấc ngủ.

Trong lúc tôi sống an bình và yên tâm học tập ở Cao nguyên, Công bị xáo trộn bởi những cuộc biến động chính trị ở miền Trung, học sinh sinh viên xuống đường bãi khóa liên miên. Trong kỳ thi tú tài ở Nha Trang (Ban Mê Thuột tỉnh nhỏ không có hội đồng thi) tôi đậu tối ưu mà ở Huế Công đậu bình thứ, kết quả khiêm nhường nhưng chứng tỏ khả năng của Công không thua kém ai.

Cuối năm đệ nhất, Công viết,

“... *Tau thấy trong các ngành học, kỹ sư điện là ngành dùng toán cao nhất...*”

Đó là ngành Công lựa chọn, và tôi không có lựa chọn nào khác. Tôi xin cha nhờ người về Sài Gòn nộp đơn thi vào trường Cao đẳng Điện học. Mẹ thắc mắc,

“*Răng* con không nộp đơn thi vô các trường khác?”

“Dạ như trường *mô*?” tôi bực bội hỏi mẹ.

“Trường Y khoa hay Nông lâm súc chẳng hạn.”

“Con không thích học mấy ngành *nớ*.”

“Nhưng lỡ con thi vô trường *nớ* không đậu thì *răng*?”

“*Răng* mà rớt được?”

“Biết *mô* đó, học tài thi phận mà con!”

“Nếu không vô được trường Điện, con ghi danh học toán ở Đại học Khoa học; trường *nớ* không thi tuyển,” tôi bướng bỉnh như mọi khi.

Trong số 25 học sinh được chọn vào vào ban kỹ sư Điện, tôi xếp hàng thứ ba. Tôi tức mình ầm ức cho đến khi biết hai người đứng trên đã học mấy chứng chỉ Toán và Toán Lý Hóa trong chương trình cử nhân. Công đậu hạng mười, thấp hơn tôi vì bài thi có môn Vật lý là sở trường của tôi. Ngạc nhiên nhất là tên hai thằng đệ tam B3 khác cũng xuất hiện trên “bảng vàng”: Đình đậu hạng 18 và Phan (ngày trước không xếp vào hàng “cao thủ”) đậu chót; ngoài ra không còn ai ở Huế. Chắc hẳn nhờ sự thi đua học hành với Công mà hai đứa này trúng tuyển.

Bọn sinh viên chân ướt chân ráo chúng tôi mong chờ buổi học Giải tích, môn toán chính, đầu tiên với giáo sư Thế. Ông là trưởng ban Khoa học Cơ bản có nhiệm vụ giảng dạy kiến thức tổng quát mà sinh viên kỹ sư ngành Điện, Công Chánh, và Công nghệ đều học chung. Dạy luyện thi tú tài nổi tiếng khắp Sài Gòn và là tác giả sách toán trung học bán chạy, ông được sinh viên ngưỡng mộ và xưng tụng là “cây đại thụ của ngành toán học áp dụng Việt nam.”

Còn bỡ ngỡ với giảng đường đại học, tôi lật lướt qua tập *cua* (cours, tức là bài giảng) in *ronéo* (một kỹ thuật in bằng cách đánh máy trên giấy sếp gọi là *stencil*, ráp lên máy quay *ronéo*, và dùng mực in thành nhiều bản) và lơ đãng nghe giáo sư giảng bài. Chương Dẫn nhập gồm những ý niệm cơ bản đặt nền tảng cho môn học – *dễ òm*! Bài giảng kết thúc, sinh viên mừng rỡ vì sắp được ra về sớm. Bất ngờ, Công lễ phép đưa tay lên hỏi,

“Thưa thầy, con thấy những ý niệm trong chương này không bắt nhất...”

Ban đầu tươi cười nghe Công trình bày lập luận của mình, mặt giáo sư dần dần đổi sang màu đỏ ửng. Công vừa dứt lời, ông chỉ mặt lớn tiếng,

“Anh đọc những sách nhằm nhí về các tà thuyết toán học. Lập luận của anh là do mấy nhà toán học Đức đi sai đường vào cuối thế kỷ 19 đưa ra...”

Giáo sư mắng một tràng dài; Công ấp úng không nên lời thì thằng bạn rắn đầu nhảy vào “cứu bồ.” Tôi đưa tay xin phát biểu,

“Thưa thầy, em biết chắc nó chỉ học bài của thầy chứ không hề đọc sách vở nào khác. Thầy mắng mà không giải thích nó sai ở chỗ nào.”

Có tiếng xầm xì biểu đồng tình của Đình và Phan (đệ tam B3 ủng hộ “phe ta”!) cùng vài sinh viên khác ngồi sau lưng tôi. Giáo sư nổi giận, chĩa mũi dùi sang chàng anh hùng rơm điếc không sợ súng,

“Anh tên gì, học ngành nào?”

Giáo sư ghi tên tôi và ra lệnh,

“Ngồi xuống, không được hỗn láo!”

Nói xong, ông xếp sách vở vào cặp, lẳng lặng bước ra. Giảng đường gần chín mươi sinh viên im phăng phắc. Tôi biết những ngày khó khăn của mình bắt đầu.

Thực vậy, vào giờ Hời bài (hàng tuần sinh viên được chia thành những nhóm nhỏ, mỗi nhóm được một vị giáo sư hay giảng viên sát hạch khả năng) tôi được giáo sư chiếu cố tận tình với những bài toán khó nhất, thường không có trong tập *cua* cho sẵn.

Học đại học mà bị thầy “trù” là kể như... tiêu đời! Tôi biết vậy nên cậy vào chiến lược cũ: lùnh kiếm trong nhà sách Khai Trí trên đường Lê Lợi, Xuân Thu đường Tự Do, và American Bookstore đường Nguyễn Huệ mua hết sách toán đại học bằng tiếng Việt, Pháp, hay Anh. Sách Sài Gòn không có nhiều nhưng đủ cho tôi bận rộn trong tháng đầu tiên.

Mặt khác, tôi xin cha đánh điện sang Paris nhờ ông chú họ kỹ sư vào Khu La-tinh vét sạch sách bài giải toán, mới lẫn cũ, dành cho lớp Toán Cao đẳng (Mathématiques Supérieures, gọi tắt là Maths sup.) và lớp Toán Đặc biệt (Mathématiques Spéciales, gọi tắt là Maths spé.) là hai lớp

chuyên dạy toán cho sinh viên luyện thi vào các trường lớn của Pháp như Trường Bách Khoa, Trường Cao đẳng Sư phạm, Trường Cầu Cống, Trường Cao đẳng Điện học, v.v. Trình độ toán của hai lớp này ngang hàng với hai năm đầu trường kỹ sư.

Nhờ hai năm khổ luyện ngày đêm, học mờ người, và làm hết toán trong đồng sách tiếng Pháp, bị giáo sư “quay”... đến nơi đến chốn mà chưa lần nào tôi bị bí. Công nhân nhả học Giải tích như đùa bỡn; thỉnh thoảng chất vấn khiến giáo sư bối rối và hện lần sau giải đáp, có khi... quên mất luôn.

Giáo sư đã biên soạn và ấn hành *Giải tích Độ nhị Niên*, cuốn sách Việt ngữ duy nhất về toán áp dụng cao cấp và là niềm hãnh diện sâu xa của ông. Cuối năm học thứ hai, khi chúng tôi sắp rời ban Khoa học Cơ bản về trường Điện học chuyên môn, ông gặp riêng Công,

“Tôi định tái bản cuốn *Giải tích* nếu hè này anh giúp tôi hiệu đính; chúng mình đứng tên chung.”

“Cám ơn thầy cho con cộng tác, nhưng con đang bận rộn nghiên cứu Phật pháp,” Công trả lời không do dự.

Sau khi tốt nghiệp, Công đi Hoa kỳ học cao học Điện toán, một ngành tương đối mới mẻ, và tôi ở trong nước dạy học và sửa soạn luận án tiến sĩ kỹ sư về truyền sóng. Xa nhau nửa vòng trái đất và nghiên cứu hai lãnh vực khác biệt nhưng... ngựa quen đường cũ, chúng tôi trao đổi toán đồ như trước. Tôi phát biểu các hiện tượng truyền sóng thành bài toán, và Công thách tìm các công thức lập lại trong khoa Giải tích Số trị để thảo chương vào máy điện toán và tính kết quả bằng số.

Tháng Tư năm 1975 bỏ nước ra đi, tôi trôi dạt về North Dakota làm kỹ sư kế hoạch cho công ty tiện ích; Công đã ở Dallas từ mấy năm trước, vừa học tiến sĩ vừa làm việc trong Nha Nghiên cứu Điện toán của hãng Texas Instruments, một hãng điện tử lớn bậc nhất thế giới. Chúng tôi nói chuyện qua điện thoại viễn liên hàng tuần, và mỗi kỳ nghỉ hè tôi lái xe xuống Texas thăm bạn.

Công làm việc mà hàng ngày tà tà xách cặp đi học, cuối tháng vào sở lãnh lương. Qua các tạp chí kỹ thuật, tôi biết Công đang hoàn tất lý thuyết nền tảng cho phương pháp thảo chương mới mà nhờ đó máy điện toán “Dòng Dữ kiện” (“Dataflow” computer, tên do Công đặt ra) có thể thực hiện được. Các nhà nghiên cứu bấy giờ gọi phát minh này – chính là hệ thống điều hành của máy siêu điện toán ngày nay – là “Máy Điện toán Công” (“Công’s Computer”).

Một đêm hè năm 1978, xuống thăm Công tôi giúp bạn duyệt lãm bài thuyết trình hôm sau Công trình bày với Hội đồng Quản trị Texas Instruments. Tối hôm sau, không nghe Công đề cập tới cuộc họp ban ngày, tôi dò hỏi,

“Hôm nay thuyết trình ra sao?”

“Cũng được...” Công miễn cưỡng trả lời.

“Sao mà được vinh hạnh mời ra Hội đồng Quản trị?”

“*Bạn hẳn* trả tiền cho *tau* đi học PhD cốt để dùng kết quả công trình nghiên cứu đó,”

Công uể oải nói.

“Dĩ nhiên. Mình làm công, ăn cơm chúa múa tối ngày mà!”

“*Bạn hẳn* cần biết dự án máy điện toán Dòng Dữ kiện có khả thi hay không trước khi chấp thuận ngân sách chế tạo và đưa ra thị trường.”

“Rồi mà nói sao?”

“Dự án thực hiện được, nhưng hiện tại *tau* bận chuyện riêng nên không có thì giờ nghiên cứu thêm.”

“Sao bỏ qua cơ hội bằng vàng như vậy?”

“*Mi* thấy đó, *tau* đang nghiên cứu viết sách chứng tỏ Phật giáo không những là tôn giáo dân chủ hoàn hảo mà còn là triết lý vô cùng khoa học. Thì giờ *mô* mà lo chuyện bao đồng!”

Lặng người nhưng tôi cố vớt vát,

“Hay là mày để ra vài tuần viết ra dự án nghiên cứu đó cho tao?”

“Để làm *chị*?”

“Tao thuê luật sư lấy bằng sáng chế. Cầm bằng sáng chế trong tay là mình giàu to, *thằng* IBM không mua thì *thằng* khác cũng giành mua. Nó không chế để bán thì cũng mua cất giữ cho *thằng* khác khỏi chế. Sau đó, mày không cần đi làm, dành thì giờ nghiên cứu đạo Phật.”

“Đừng xúi *tau* vương vào Tam Chương – Tham Sân Si, ba điều trở ngại cho việc cởi bỏ oan nghiệt.”

Tôi nổi giận lớn tiếng,

“Chính mày mới là Sân Si – giận và ngu tối. Riêng về Tham thì đây không phải là tham lam lấy của người, kéo nhà người khác về làm chuồng heo mình, mà là ‘tối đa hóa lợi nhuận’ theo thuyết kinh tế của Adam Smith.”

“Kinh tế tư bản khiến người giàu càng giàu hơn, kẻ nghèo càng nghèo thêm?” Công cười mỉa.

“Mày lầm rồi! Khi mọi người được phép hưởng lợi nhuận do công sức của mình làm ra, cái ‘Tham’ ấy là động lực khiến họ làm việc hăng say, cố gắng phát minh sản phẩm tân kỳ và hữu ích, và không ngừng cải tiến phương cách làm việc để có hiệu quả hơn và sản phẩm tốt và rẻ hơn. Nhờ cái ‘Tham’ Adam Smith, người nghèo cũng được hưởng lợi ích mà mức sống cao hơn.”

Trở về đề nghị của mình, tôi cố gắng một lần nữa,

“Bỏ qua chuyện lợi danh, hoàn tất dự án nghiên cứu là mày đóng góp kiến thức mới cho nhân loại và giúp việc cải thiện đời sống của mọi người, giàu cũng như nghèo.”

“*Tau* không màng thế sự; *mi* là phật tử làm đường, đừng ép *tau* tư vương vào cõi trần tục,” Công nói chắc như đinh đóng cột.

Hai tuần trước khi tôi lên đường, trận bão tuyết đầu mùa đến sớm bất chợt, đi kèm với cơn lạnh giá chưa từng có trong hơn ba mươi năm qua. Các tiểu bang miền Trung-Lục địa chuyên về nông nghiệp và chăn nuôi bị ảnh hưởng và chịu thiệt hại nặng nề. Hàng chục ngàn con bò bị chết cồng, và hoa màu vụ mùa thu hư hại hoàn toàn.

Cảnh vật tiêu điều khiến con đường Bắc-Nam quen thuộc trở nên dài lê thê. Qua khỏi South Dakota đến Nebraska, những cánh đồng bắp chết khô thành rơm rạ xám xịt liên tiếp nối đuôi nhau ở hai bên hàng trăm dặm đường. Cuối ngày thứ hai, đến chặng cuối của đồng bằng trồng bắp ở Kansas, tôi ngừng xe bước xuống ruộng, rưng rưng nước mắt nhìn những trái bắp dài mang những hạt bắp đầy đặn nám đen nằm lẫn trong lá và thân cây cháy khô.

Tôi không xót xa cho các nông gia Mỹ vì họ được chính phủ trợ cấp, được mùa hay mất mùa thì lợi tức vẫn gần ấy. Năm được mùa, thị trường thặng dư mà không bán được bắp thì chính phủ thu mua giữ trong kho dự trữ và sau đó mang viện trợ cho các xứ nghèo. Năm mất mùa, không những không có thực phẩm viện trợ mà giá thực phẩm tăng lên khắp toàn cầu khiến cho các xứ nghèo càng không đủ tiền mua. Hậu quả của trận thiên tai vừa qua là năm tới sẽ có thêm nhiều ngàn người ở các nước Phi Châu chết đói vì thiếu ăn.

Trên quãng đường còn lại, tôi chợt nhận ra sự khác biệt giữa Công và tôi, hai Phật tử với hai lối suy tư khác biệt. Bạn tôi “kính trọng Tam Bảo” – Phật, Pháp, và Tăng, tôi nghĩ đến “chúng sinh” – tất cả sinh vật. Đối với tôi, Tam Bảo mà không phục vụ chúng sinh thì tôi thà làm kẻ lười đường.

Nguyễn Ngọc Hoa
16 Tháng Giêng, 2014